

Thứ tư, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/3/2021		•	
Tuần 22/3-26/3/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường điều chỉnh mạnh xuống ngưỡng 1160 điểm nổi tiếp với phiên giảm hôm qua. Dòng tiền đầu thoát khỏi thị trường khi chỉ có 2/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản tăng nhẹ và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy áp lực chốt lãi ngắn hạn tăng mạnh trong phiên hôm nay. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HSX và mua ròng tại sàn HNX. Một thông tin tích cực cho thị trường là sắp có hơn 8,000 tỷ đồng từ quỹ Fubon FTSE sắp chảy vào Việt Nam khi nhà đầu tư đặt mua hết chứng chỉ quỹ này. Dòng tiền này sẽ chủ yếu chảy vào nhóm cổ phiếu VN30 và tạo lực đỡ thị trường tại ngưỡng 1160 điểm. Với dòng tiền khối ngoại mới đổ vào trong thời gian tới, VN-Index nhiều khả năng sẽ tích lũy trong vùng 1160-1180 trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/3/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: SSN_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-21.64** điểm, đóng cửa **1,161.81** điểm. HNX-Index **-3.65** điểm, đóng cửa **268.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.26)**, **MSB (+0.16)**, **FLC(+0.12)**, **TCM(+0.10)**, **VCG (+0.04)**
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.66)**, **CTG (-1.34)**, **VHM (-1.34)**, **GVRF (-1.28)**, **VCB(-1.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,827** tỷ đồng, **+5.6%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,649 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 19.98 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có **75** mã tăng, 26 mã tham chiếu và **408** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-364.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KBC (-150.7 tỷ)**, **POW(-81.2 tỷ)** và **HPG (-55.4 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.73** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1161.81**
Giá trị: 14827.45 tỷ **-21.64 (-1.83%)**
Khối ngoại (ròng): -364.13 tỷ

HNX-INDEX **268.69**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-3.65 (-1.34%)**
Khối ngoại (ròng): 9.73 tỷ

UPCOM-INDEX **80.50**
Giá trị: 1311.4 tỷ **-0.64 (-0.79%)**
Khối ngoại(ròng): 14.09 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	58.7	1.68%
Giá vàng	1,729	0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,080	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,303	-0.12%
Tỷ giá JPY/VND	21,233	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	0.6%	47.02%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	170.5	KBC	-150.7
CII	23.1	POW	-81.2
FUEVFVNI	15.6	HPG	-55.4
GVR	14.6	CTG	-53.5
DBC	13.1	VNM	-51.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	57.59	-0.29%	-10.90%	-6.20%	67.85%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.66	-0.21%	-10.80%	-5.70%	59.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	188.14	-0.79%	-8.10%	-2.60%	112.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1731.34	0.25%	-0.80%	-4.30%	6.82%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.16	0.38%	-4.40%	-10.60%	74.84%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1423.75	0.04%	0.40%	2.60%	67.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	633.00	-0.28%	-1.10%	-5.50%	12.73%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.24	0.00%	-0.70%	-0.20%	2.78%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	236.77	-1.75%	-5.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.43	-0.64%	-5.30%	-8.60%	35.23%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	127.60	-1.92%	-5.10%	-1.20%	2.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8980.00	-1.41%	0.20%	0.80%	86.54%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	717.98	-0.79%	-1.40%	1.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	782.35	-0.11%	2.80%	5.50%			
Nhôm	USD/ton	2219.50	-2.31%	0.80%	4.10%	43.42%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	159.57	1.49%	-2.40%	-9.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	91.20	-3.75%	6.80%	17.80%	32.75%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm xuống 60.27 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm xuống 57.25 USD/thùng. Giá dầu giảm khoảng 6% trong phiên vừa qua do lo ngại việc Châu Âu tái phong tỏa chống Covid-19 và tiến trình triển khai tiêm chủng vắc xin chậm chạp có thể cản trở sự hồi phục về nhu cầu.
- Chênh lệch giá dầu Brent giữa các hợp đồng kỳ hạn giao gần và giao xa gia tăng lần đầu tiên kể từ tháng 1/2021, không khuyến khích các nhà đầu tư mua vào và buộc người bán phải chuyển dầu vào kho dự trữ.

Theo Viện Dầu mỏ Mỹ, tồn kho dầu thô của Mỹ trong tuần tới 19/3 tăng 2.9 triệu thùng, trái với dự đoán của các nhà phân tích là giảm khoảng 300,000 thùng

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.7% xuống 1,726.76 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York giảm 0.8% xuống 1,725.10 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên tăng 2% lên 1,039.5 CNY/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn Singapore tăng 2.4% lên 154.75 USD/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 giảm 2.5 US cent (1.9%) xuống 1.276 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2021 giảm 21 USD (1.5%) xuống 1,377 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London giảm 8.9 USD (2%) xuống 440.5 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE giảm 0.1 US cent (0.6%) xuống 15.43 US cent/lb. Nhu cầu đường hàng thực hiện rất ít, trong khi nguồn cung dồi dào nhờ xuất khẩu mạnh từ Ấn Độ đang gây áp lực lên giá đường, giữa bối cảnh các thị trường tài sản rủi ro đều đang có hiện tượng bán tháo trên diện rộng.

	24/3	% 24/3	23/3	% 23/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1161.81	-1.83%	1183.45	-0.92%	-2.05%	-1.13%
S&P 500			3910.52	-0.76%	-1.32%	0.10%
HĐTL S&P500	3906.00	0.16%	3899.80	-0.77%	-1.45%	1.11%
Shang- hai	3367.06	-1.30%	3411.51	-0.93%	-2.28%	-7.56%
Euro Stoxx	3818.30	-0.23%	3827.02	-0.18%	-0.82%	3.20%

Phân tích kỹ thuật

SSN_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SSN hiện đang có trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có giai đoạn tích lũy ngắn hạn tại khu vực quanh 6.5. Thanh khoản cổ phiếu trong thời gian gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SSN nằm tại khu vực 6.5-7. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mệnh giá 10, cắt lỗ nếu ngưỡng 6 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

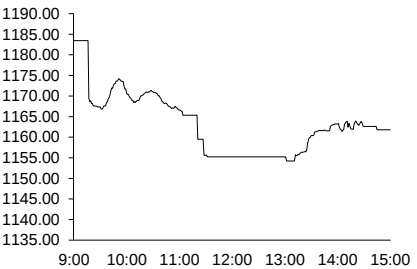
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-3.64%
Dịch vụ tài chính	-3.41%
Viễn thông	-3.33%
Bảo hiểm	-3.19%
Ô tô và phụ tùng	-2.87%
Du lịch và Giải trí	-2.57%
Công nghệ Thông tin	-2.43%
Tài nguyên Cơ bản	-2.34%
Ngân hàng	-2.25%
Dầu khí	-2.16%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.15%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.97%
Thực phẩm và đồ uống	-1.60%
Xây dựng và Vật liệu	-1.14%
Bán lẻ	-0.88%
Y tế	-0.76%
Bất động sản	-0.75%
Truyền thông	-0.18%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.16%

Hình 1

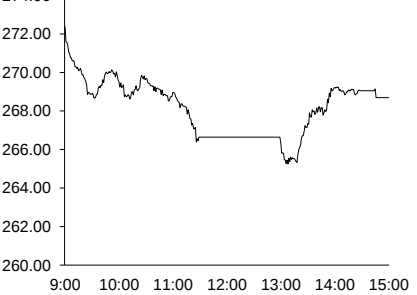
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

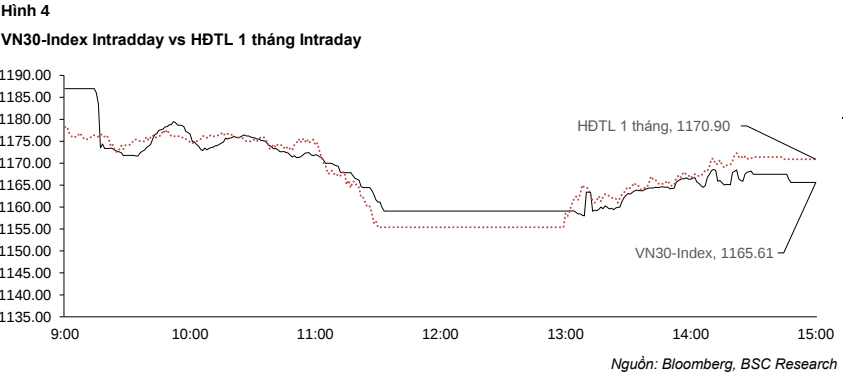
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	14.8	1	2.78%	Có thể tiếp tục mua
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	12.7	2	-5.22%	Có thể tiếp tục mua
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	59.5	5	-2.46%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	28	6	-1.93%	Có thể tiếp tục mua
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	31.5	7	4.13%	Có thể tiếp tục mua
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	25.85	8	-3.18%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	6.87	9	-4.18%	Có thể tiếp tục mua
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	18.4	13	-4.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	7.75	15	0.39%	Có thể tiếp tục mua
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	12.75	19	-5.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	22.3	20	-2.83%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	89	26	3.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	27.7	28	3.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	15.25	30	7.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	31.3	34	-6.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	REE	54	62.5	50	54	43	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	38.8	43	0.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	79.8	49	-3.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.3	51	4.19%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.8	56	2.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	TP	10	11.52%
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	TP	20	22.75%
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	TP	25	21.47%
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	FS	40	11.72%
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	TP	27	16.80%
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	10	2.85%	-3.95%	-0.55%	23
Cổ phiếu đã chốt	120	58	13.19%	-8.06%	6.27%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1170.90	-1.15%	5.29	17.0%	162,190	4/15/2021	24
VN30F2105	1171.30	-0.06%	5.69	39.1%	288	5/20/2021	59
VN30F2106	1172.10	-1.16%	6.49	-6.3%	74	6/17/2021	87
VN30F2109	1174.90	-1.26%	9.29	25.7%	127	9/16/2021	178

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -21.37 điểm, xuống 1165.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, VNM, MBB, HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh trong phiên sáng xuống dưới 1160 điểm, sau đó thu hẹp biên độ giảm về 1165 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống quanh 1155 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2104 và VN30F2109 đang tăng, trong khi VN30F2105 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2014	5/4/2021	41	1:1	474,200	33.43%	4,600	7,000	-0.71%	6,097	1.15	32,100	27,500	33,400
CHPG2018	5/14/2021	51	4:1	377,200	32.88%	1,200	4,180	-1.42%	3,912	1.07	34,799	29,999	45,450
CVRE2013	7/30/2021	128	1:1	318,700	33.43%	5,000	7,890	-2.59%	6,789	1.16	32,500	27,500	33,400
CNVL2003	6/11/2021	79	10:1	659,100	23.55%	1,000	1,990	-2.93%	1,652	1.20	73,979	63,979	79,800
CFPT2016	6/22/2021	90	5:1	280,200	29.47%	2,580	5,900	-2.96%	5,517	1.07	62,900	50,000	77,000
CSTB2014	6/14/2021	82	1:1	289,900	39.51%	3,800	7,110	-3.66%	6,536	1.09	15,800	12,000	18,400
CSTB2103	8/9/2021	138	2:1	387,000	39.51%	1,400	2,500	-3.85%	1,064	2.35	20,800	18,000	18,400
CHPG2105	8/9/2021	138	2:1	275,400	32.88%	3,000	4,950	-4.07%	2,991	1.66	48,000	42,000	45,450
CTCB2012	7/30/2021	128	1:1	312,300	35.78%	5,400	18,600	-4.57%	17,668	1.05	27,400	22,000	39,300
CTCB2103	8/9/2021	138	2:1	312,400	35.78%	2,900	5,590	-4.61%	2,965	1.89	41,300	35,500	39,300
CTCB2013	5/4/2021	41	1:1	117,100	35.78%	4,700	17,090	-4.74%	16,422	1.04	27,700	23,000	39,300
CSTB2007	4/27/2021	34	2:1	444,500	39.51%	1,500	3,820	-4.98%	3,746	1.02	13,999	10,999	18,400
CTCB2101	10/5/2021	195	1:1	332,100	35.78%	5,000	12,800	-5.19%	2,477	5.17	36,000	31,000	39,300
CHPG2102	7/5/2021	103	1:1	106,400	32.88%	6,600	9,000	-5.26%	6,125	1.47	47,600	41,000	45,450
CVPB2015	7/30/2021	128	1:1	52,400	38.78%	5,600	18,500	-5.52%	18,552	1.00	31,600	26,000	44,100
CVPB2103	8/9/2021	138	2:1	210,900	38.78%	2,700	5,150	-6.36%	4,627	1.11	41,900	36,500	44,100
CHPG2103	7/6/2021	104	2:1	262,500	32.88%	3,900	4,600	-7.07%	2,728	1.69	49,800	42,000	45,450
CSBT2007	4/27/2021	34	2:1	602,600	42.16%	1,700	3,570	-9.39%	3,387	1.05	18,788	15,495	22,700
CHDB2007	4/27/2021	34	5:1	676,200	33.96%	1,300	2,880	-9.72%	68	42.12	20,771	16,831	25,500
Tổng				6,491,100	35.09%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/3/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CVRE2012 và CMWG2103 giảm mạnh lần lượt là -27.64% và -20.40%. Giá trị giao dịch giảm -11.87%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.32% thị trường.
- CVRE2012, CFPT2017, CVIC2006, CVPB2013, và CVPB2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2013, CFPT2014, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CVPB2010, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	129.9	-0.8%	1.0	2,633	3.0	8,654	15.0	3.8	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.1	-0.1%	1.0	831	2.4	4,532	18.6	3.6	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	59.5	-3.6%	1.5	1,920	3.0	2,087	28.5	2.2	27.7%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.0	-1.5%	0.5	311	0.0	3,406	9.4	1.0	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	107.9	1.3%	0.7	15,868	5.0	1,569	68.8	4.7	14.0%	6.7%
VRE	Bất động sản	33.4	-2.2%	1.1	3,300	8.3	1,048	31.9	2.6	30.8%	8.5%
VHM	Bất động sản	97.2	-1.5%	1.1	13,902	8.9	8,463	11.5	3.7	22.3%	39.1%
DXG	Bất động sản	24.2	0.8%	1.3	544	6.9	(956)		2.0	33.7%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	31.3	-4.9%	1.4	879	18.5	2,093	15.0	1.9	42.4%	13.1%
VCI	Chứng khoán	61.6	-5.1%	1.0	444	5.4	4,662	13.2	2.3	26.5%	17.9%
HCM	Chứng khoán	30.0	-4.6%	1.5	398	5.9	1,738	17.3	2.1	46.5%	12.1%
FPT	Công nghệ	77.0	-2.3%	0.9	2,624	8.4	4,520	17.0	3.8	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	79.0	-0.4%	0.4	940	0.4	5,165	15.3	4.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	90.1	-1.9%	1.4	7,498	2.8	4,038	22.3	3.6	2.8%	16.1%
PLX	Dầu khí	56.3	-1.6%	1.5	2,983	4.2	631	89.2	3.2	16.4%	4.4%
PVS	Dầu khí	22.7	-3.0%	1.6	472	19.1	1,357	16.7	0.9	9.3%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.4	-1.8%	0.8	2,211	14.1	898	18.3	1.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	99.4	-1.0%	0.4	565	0.0	5,443	18.3	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.4	-1.0%	0.7	330	2.4	1,663	11.7	0.9	13.3%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.0	-2.3%	0.6	391	2.4	1,017	16.7	1.4	3.2%	8.7%
VCB	Ngân hàng	94.7	-1.1%	1.1	15,271	5.9	4,974	19.0	3.6	23.5%	20.5%
BID	Ngân hàng	42.2	-3.5%	1.3	7,371	6.2	1,740	24.2	2.2	17.1%	9.3%
CTG	Ngân hàng	39.0	-3.7%	1.4	6,314	31.6	3,674	10.6	1.7	27.6%	16.9%
VPB	Ngân hàng	44.1	-0.9%	1.2	4,707	7.1	4,271	10.3	2.1	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	27.6	-2.6%	1.2	3,359	19.5	2,965	9.3	1.6	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	32.5	-1.7%	0.9	3,050	14.0	3,557	9.1	2.0	29.9%	24.3%
BMP	Nhựa	59.6	-1.0%	0.7	212	0.3	6,386	9.3	2.0	81.5%	21.2%
NTP	Nhựa	35.9	-0.8%	0.5	184	0.2	3,797	9.5	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	21.0	-3.7%	0.7	1,004	1.1	39	538.5	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.5	-2.5%	1.1	6,547	47.1	4,056	11.2	2.5	30.3%	25.2%
HSG	Thép	27.1	-5.2%	1.4	523	11.9	3,387	8.0	1.7	7.3%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	98.7	-1.5%	0.7	8,969	13.8	4,770	20.7	6.6	56.4%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	175.5	-1.4%	0.8	4,893	0.4	7,064	24.8	5.6	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	85.1	-1.6%	0.9	4,346	3.2	1,054	80.7	6.3	32.2%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.7	-2.6%	1.2	609	3.5	946	24.0	1.8	7.9%	7.4%
ACV	Vận tải	73.6	0.0%	0.8	6,966	0.6	3,450	21.3	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	128.0	-2.3%	1.1	2,915	2.3	132		4.5	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	31.5	-3.4%	1.7	1,942	3.1	(7,647)		7.0	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	33.2	-2.9%	0.9	435	2.7	1,133	29.3	1.7	37.9%	5.7%
PVT	Vận tải	17.1	-3.1%	1.3	241	3.0	1,953	8.8	1.1	12.3%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.0	-2.5%	1.1	619	1.0	8,257	10.8	3.7	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.3	-0.7%	0.4	668	0.2	1,340	25.6	2.4	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.7	-2.9%	0.9	310	1.3	1,613	11.6	1.3	3.2%	11.5%
CTD	Xây dựng	73.3	-3.4%	1.0	237	2.9	5,769	12.7	0.7	45.4%	5.2%
CII	Xây dựng	23.4	-3.3%	0.5	243	3.0	1,030	22.7	1.2	30.7%	5.1%
REE	Điện	54.0	-2.7%	-1.4	726	1.6	5,250	10.3	1.5	49.0%	14.9%
PC1	Điện	28.5	-2.6%	-0.4	236	1.3	2,642	10.8	1.4	11.9%	13.6%
POW	Điện	12.8	-4.1%	0.6	1,298	13.6	938	13.6	1.1	4.6%	7.9%
NT2	Điện	22.1	-1.8%	0.5	277	0.6	2,095	10.5	1.5	15.4%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	38.8	-4.2%	1.1	792	9.2	363	106.8	1.9	22.3%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	55.0	-4%	1.0	2,475	0.0			3.7	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	107.90	1.31	1.26	1.10MLN
MSB	22.00	2.33	0.16	6.17MLN
FLC	9.79	6.64	0.12	42.62MLN
TCM	90.00	6.89	0.10	375500
VCG	43.30	0.70	0.04	883000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-1.66	3.34MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-1.49	18.26MLN	607060
VHM	0.00	-1.34	2.10MLN	373600
GVR	0.00	-1.28	3.69MLN	192700
VCB	0.00	-1.09	1.42MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KMR	3.22	6.98	0.00	1.31MLN
HOT	37.65	6.96	0.01	2200
HAP	18.45	6.96	0.02	6.67MLN
HCD	4.33	6.91	0.00	2.08MLN
CLW	24.00	6.90	0.01	400

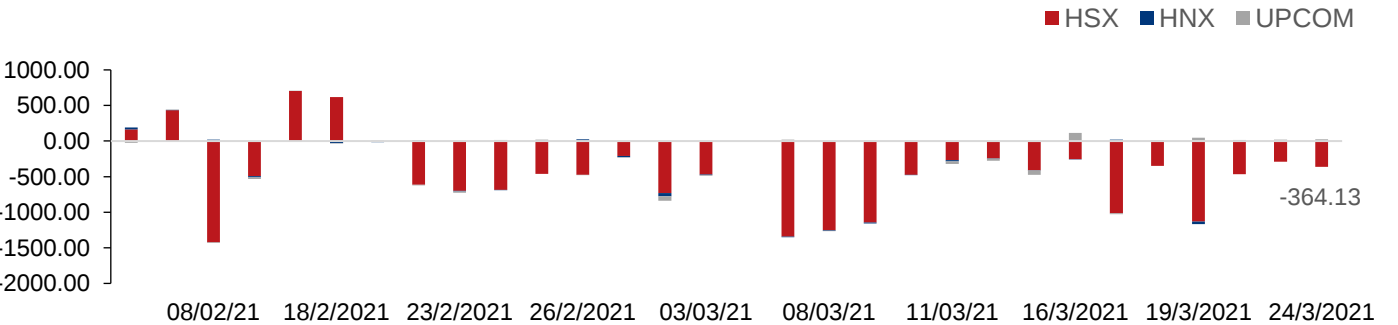
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHA	40.70	-6.97	-0.02	52700
IJC	28.90	-6.92	-0.13	10.43MLN
RIC	16.90	-6.89	-0.01	5600.00
SGR	33.20	-6.87	-0.04	28500
LGC	63.80	-6.86	-0.24	600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.7	1,390	11.3	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.5	3,557	9.1	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.6	3,450	21.3	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	31.0	4,043	7.7	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	39.0	3,674	10.6	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.4	13,724	4.3	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	67.1	5,734	11.7	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	120.0	5,923	20.3	4.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.4	1,663	11.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.0	2,158	13.0	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.2	-956		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	77.0	4,520	17.0	3.8	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.2	1,133	29.3	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.5	6,277	6.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	45.5	4,056	11.2	2.5	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	27.1	3,387	8.0	1.7	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.7	1,613	11.6	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.8	363	106.8	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.9	2,044	15.1	2.1	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	16.0			1.2	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	37.1	3,258	11.4	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	85.1	1,054	80.7	6.3	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	129.9	8,654	15.0	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.1	3,127	10.9	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.0	7,985	7.4	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.5	1,842	15.5	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.1	4,532	18.6	3.6	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.8	938	13.6	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	21.9	0	76.8	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	22.7	1,357	16.7	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	175.5	7,064	24.8	5.6	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.7	946	24.0	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	39.3	3,521	11.2	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.7	4,974	19.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.0	4,239	10.4	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	18.5	563	32.9	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.9	3,873	10.0	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	98.7	4,770	20.7	6.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	97.2	8,463	11.5	3.7	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.2	1,071	26.3	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.6	875	13.3	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	132.0	9,180	14.4	7.1	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	44.1	4,271	10.3	2.1	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	33.4	1,048	31.9	2.6	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	89.7	4,105	21.9	7.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD:
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150 Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần
Express DXG 2020Q4	8/10/20	

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639